

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 702/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-11-2021
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1981 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã Ph, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận. Tạm trú: Số 149 Hà Văn L, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Cao Văn H1, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 122, đường số 722, tổ 1, ấp R, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 05/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Bà và ông Cao Văn H1 xây dựng gia đình năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình, bà và ông H1 thuê nhà trọ sinh sống riêng, sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 sinh tật nhậu nhẹt, không quan tâm chăm lo cho gia đình, kinh tế gia đình không ổn định, ông H1 muốn đi làm thì đi làm, không làm thì thôi, ông H1 còn nghi ngờ, chửi mắng bà vô cớ, có lần xảy ra đánh nhau, bà dẫn con đi chỗ khác mượn nhà sống ông H1 vẫn theo chửi mắng. Bà đã từng nộp đơn xin ly hôn một lần nhưng ông H1 không đến nên bà rút đơn, nay bà nhận thấy giữa bà và ông H1 không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông H1 có 03 con chung tên Cao Nguyễn H2, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H3, sinh ngày 24/8/2012 và Cao Nguyễn Nhật Kh, sinh ngày 10/9/2018, bà

yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung bà và ông H1 tự thỏa thuận, không tranh chấp, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Cao Văn H1 vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 05/4/2021, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Cao Văn H1, con chung có 03 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Cao Văn H1 đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại số 122, đường số 722, tổ 1, ấp R, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (em ông H1 là bà Võ Thị Ngọc M ký nhận thay các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Cao Văn H1 tự nguyện xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C cấp ngày 14/01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì sau khi xây dựng gia đình, bà và ông H1 thuê nhà sinh sống, sống hạnh phúc đến khi bà sinh đứa con thứ 02 vào năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 không quan tâm đến gia đình, kinh tế bà phải tự lo, ông H1 muốn làm thì làm, không muốn làm thì nghỉ, ngoài ra ông H1 còn nghi ngờ, chửi mắng bà, thậm chí cả hai xảy ra xô xát, vì không thể sống chung với ông H1 nên bà dẫn con đi chỗ khác sinh sống, ông H1 vẫn đi theo mắng chửi. Bà đã từng gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn lại, nay bà nhận thấy giữa vợ chồng bà không còn tiếng nói chung, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét ông H1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông H1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà H, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà H cung cấp. Hiện bà H và ông H1 không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H1 là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà H và ông H1 có 03 con chung tên Cao Nguyễn H2, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H3, sinh ngày 24/8/2012 và Cao Nguyễn Nhật Kh, sinh ngày 10/9/2018, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Ông H1 không đến Tòa để đưa ra ý kiến về con chung, các con chung hiện đang sống với bà H. Cháu H2 và cháu H3 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu H2, H3 và Kh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà H trình bày tài sản chung bà và ông H1 tự thỏa thuận, không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H trình bày không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Cao Văn H1.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C cấp ngày 14/01/2009 cho bà H và ông H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà H và ông H1 có 03 con chung tên Cao Nguyễn H2, sinh ngày 05/4/2009, Cao Nguyễn Gia H3, sinh ngày 24/8/2012 và Cao Nguyễn Nhật Kh, sinh ngày 10/9/2018.

Giao cháu H2, cháu H3 và cháu Kh cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung:

Bà H trình bày bà và ông H1 tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0086110 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**